

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-10-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con và cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06/7/2020, “V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2020 và và Quyết định hoãn phiên tòa số: 672/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T - sinh năm 1978 (có mặt); *địa chỉ:* 626B/3, ấp H B, xã T H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Hùng P - sinh năm: 1978 (vắng mặt); *địa chỉ:* 626B/3, ấp H B, xã T H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: 246/3, ấp Đ T, xã Đ H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/6/2020, tại lần hòa giải ngày 20/8/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 1996 Nguyễn Thị T và Nguyễn Hùng P quen nhau và sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/1997 tại UBND xã Đ H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã, anh P không lo lắng gì cho gia đình, thường hay nhậu và đánh chị T nhiều lần, chị T khuyên can nhiều lần nhưng anh P

vẫn không thay đổi; vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay, anh P về sống chung cha mẹ ruột ở xã Đ H, chị T yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Hùng P. Về con chung vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hùng S, sinh ngày 18/7/1997 và Nguyễn Thị Yên M, sinh ngày 28/5/2005, hiện nay Nguyễn Thị Yên M đang sống với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi Nguyễn Thị Yên M, sinh ngày 28/5/2005, không yêu cầu Nguyễn Hùng P cấp dưỡng nuôi con, Nguyễn Hùng S đã trưởng thành Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lần hòa giải ngày 20/8/2020 bị đơn Nguyễn Hùng P trình bày:

Theo lời trình bày của Nguyễn Thị T là đúng, năm 1996 Nguyễn Hùng P và Nguyễn Thị T quen nhau và sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/1997 tại UBND xã Đ H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình sống chung vợ chồng có mâu thuẫn đúng như chị Nguyễn Thị T trình bày, anh P cũng hứa sửa đổi để chị T quay về sống chung nhưng chị T không về và vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay, anh P còn thương vợ, yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Về con chung có 02 con chung đúng như chị T trình bày, Nguyễn Hùng P đồng ý Nguyễn Thị T nuôi Nguyễn Thị Yên M, Nguyễn Hùng P không cấp dưỡng nuôi con, Nguyễn Hùng S đã trưởng thành Nguyễn Hùng P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung Nguyễn Hùng P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn Thị T và Nguyễn Hùng P sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh P không lo gì cho gia đình, thường hay nhậu và đánh chị T nhiều lần, chị T khuyên ngăn nhưng anh P vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai, nên tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng Nguyễn Thị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với Nguyễn Hùng P, hôn nhân mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị T là có căn cứ.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hùng S, sinh ngày 18/7/1997 và Nguyễn Thị Yên M, sinh ngày 28/5/2005, Nguyễn Thị T yêu cầu tiếp tục nuôi Nguyễn Thị Yên M, Nguyễn Hùng S đã trưởng thành chị T và Anh P

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; còn Nguyễn Thị Yến M thì việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, phải đảm bảo đầy đủ điều kiện để nuôi con, đảm bảo các điều kiện nuôi con tốt, Nguyễn Thị Yến M có tờ tường trình là muốn sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi Nguyễn Thị Yến M, anh P đồng ý, đồng thời chị T nuôi dạy và chăm sóc con tốt trong thời gian qua, Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao Nguyễn Thị Yến M cho Nguyễn Thị T nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Nguyễn Hùng P không trực tiếp nuôi con đáng lý ra phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng Nguyễn Thị T không yêu cầu Nguyễn Hùng P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Nguyễn Thị T cho rằng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Nguyễn Hùng P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Nguyễn Hùng P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị T được ly hôn với Nguyễn Hùng P.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục nuôi con là Nguyễn Thị Yến M, sinh ngày 28/5/2005. Nguyễn Thị T không yêu cầu Nguyễn Hùng P cấp dưỡng nuôi con.

Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Nguyễn Hùng P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005128, ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/10/2020); đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã T T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Đã ký

Nguyễn Văn Út